

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Vui

2. Ông Trần Nhị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm: 1984. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị T và anh H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hai vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Ngay từ ban đầu về chung sống với nhau đã không thấy hạnh phúc. Anh H không chăm lo kinh tế, không lo lắng cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng vợ con, chị T thường xuyên phải lo trả nợ thay cho anh H. Hiện nay, chị T đã không còn chung sống với anh H, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Chị T thấy mình đã chịu đựng thời gian dài, giờ không còn chịu đựng được nữa nên muốn ly hôn để yên tâm lo lắng cho con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 con chung tên là Hoàng Ngọc Th, sinh ngày 11/11/2007 và Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 11/11/2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Trong đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Ty rút lại một phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc H trình bày:

Anh H với chị T tự nguyện về chung sống với nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có tổ chức lễ cưới. Hai vợ chồng sống với nhau đến 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H bị bệnh nên thần kinh của anh H không còn tốt, không làm phụ về kinh tế với chị T được. Chị T nói xấu anh H trước mặt bạn bè của anh H nói anh H không làm được gì, chị T đòi xây nhà nhưng lại tự ý quyết định mà không để anh H xây, những khi đi nhậu với bạn bè thì bạn bè nói chị T không thương anh H. Anh H bị ức chế nên mỗi khi đi nhậu về thì anh H có đánh, mắng chị T, đe dọa cùng chết với chị T. Từ đó hai bên mâu thuẫn đến bây giờ. Hiện nay, anh H đã thấy mình sai, đã rất hối hận nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 02 con chung tên là Hoàng Ngọc Th, sinh ngày 11/11/2007 và Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 11/11/2014. Tại phiên tòa, anh H đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 02 con chung, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị T và anh H, giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H cư trú tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên thấy rằng chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo chị T, hai vợ chồng sống mà không hạnh phúc do anh H không lo kinh tế trong gia đình mà còn thường xuyên ăn nhậu về đánh mắng vợ con. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận đã nhiều lần đánh chị T, cầm dao đe dọa “cùng chết” với chị T. Hiện nay, chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên không cần thiết phải kéo dài cuộc hôn nhân này. Chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung tên là Hoàng Ngọc Th, sinh ngày 11/11/2007 và Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 11/11/2014. Xét thấy, con chung có nguyện vọng được chung sống với chị T, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh H đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 3.000.000đ. Tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu này, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, cần chấp nhận và đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị Hoàng Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2006 ngày 25/5/2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung Hoàng Ngọc Th, sinh ngày 11/11/2007 và Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 11/11/2014 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu

tạm ứng án phí số 0014297 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải